

Vài nét về quy hoạch và xây dựng các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX

Trần Xuân Hùng*

Tóm tắt: Thế kỉ XX đánh dấu sự biến đổi không ngừng của nền kinh tế Việt Nam. Trước hết, đó là sự ra đời và phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mang lại nhiều lợi ích cho bức tranh kinh tế đất nước nhưng đồng thời đó cũng là sự thụt lùi của những hoạt động kinh tế không còn phù hợp với nhu cầu của thời đại hay có nguy cơ cạnh tranh trực tiếp tới đời sống sản xuất ở chính quốc. Trong bối cảnh đó, những yếu tố đầu tiên đặt nền tảng cho ngành du lịch Việt Nam sau này đã từng bước xuất hiện, trong đó có sự hình thành của các khu nghỉ dưỡng trên núi với mục tiêu cung cấp cho người châu Âu những địa điểm có thể “chạy trốn cái chết vùng nhiệt đới”. Bài viết này không hướng tới việc phác dựng bức tranh du lịch nghỉ dưỡng Đông Dương thời Pháp thuộc mà tập trung phân tích một số đặc điểm trong công tác quy hoạch các “ốc đảo trên núi” ở Việt Nam thời Pháp thuộc, trong đó tập trung nhất vào ba khu vực: Đà Lạt, Tam Đảo và Sapa. Từ đó, nghiên cứu này góp phần làm rõ thêm diện mạo các khu nghỉ dưỡng mà người Pháp thiết lập ở Việt Nam trong suốt thời kỳ thuộc địa, cũng như cho việc triển khai các nghiên cứu về du lịch trong thời kỳ có ý nghĩa bản lề của lịch sử Việt Nam.

Từ khóa: Pháp thuộc; khu nghỉ dưỡng trên núi; Đà Lạt; Sapa; Tam Đảo.

Ngày nhận: 04/6/2025; ngày chỉnh sửa: 18/9/2025; ngày chấp nhận đăng: 25/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjssh.2025.11.5.3>

1. Mở đầu

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, bức tranh kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến mạnh mẽ. Trước hết, đó là sự biến đổi trong nội tại các ngành kinh tế truyền thống vốn tồn tại lâu đời ở Việt Nam nhằm phục vụ cho nhu cầu của những người ngoại quốc mới xuất hiện tại vùng đất ven bờ Thái Bình Dương, cũng như mục tiêu kinh tế của chính quyền thực dân. Song song với đó là sự xuất hiện của các ngành kinh tế mới có nguồn

gốc từ phương Tây nhằm phát triển một nền kinh tế thuộc địa phục vụ cho kinh tế chính quốc. Trong bối cảnh đó, những dấu hiệu đầu tiên của ngành du lịch đã manh nha xuất hiện tại Việt Nam với việc thành lập các khu nghỉ dưỡng¹ trên khắp Đông Dương.

Nghiên cứu về kinh tế Việt Nam thời Pháp thuộc nói chung, du lịch Việt Nam đầu

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: hungtx@ussh.edu.vn

¹ Thường được biết đến với tên gọi các trạm nghỉ dưỡng trên núi (tiếng Anh là Hill Stations) mang ý nghĩa là nơi nghỉ dưỡng phục vụ cho lực lượng quân sự Pháp, về sau mới phát triển, mở rộng phục vụ dân sự (giới thượng lưu), trong bài viết này, tác giả thống nhất sử dụng là các khu nghỉ dưỡng.

thế kỉ XX nói riêng là vấn đề giành được nhiều sự quan tâm của các học giả trong và ngoài nước. Công trình *Claudius Madrolle et l'introduction du tourisme colonial en Indochine française 1898-1914: Entre propagande économique et légitimation politique* (Claudius Madrolle và Sự hình thành du lịch thuộc địa Pháp tại Đông Dương Pháp 1898-1914: Giữa Tuyên truyền kinh tế và hợp thức hóa chính trị) (Lemaire 2010) tập trung làm rõ vai trò của nhà thám hiểm Claudius Madrolle trong việc khám phá các vùng đất mới, trong đó có Đông Dương. Từ những chuyến đi này, ông xuất bản nhiều tác phẩm khác nhau có vai trò như công cụ tuyên truyền, thúc đẩy hình ảnh tích cực về Đông Dương cũng như lợi ích của công cuộc thuộc địa hóa. Đi sâu vào vấn đề du lịch Đông Dương cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX có cuốn *Tourism and Colonization in Indochina (1898-1939)* (Du lịch và công cuộc thực dân hóa ở Đông Dương (1898-1939)) của Demay được xuất bản lần đầu vào năm 2014. Với bảy chương sách, tác giả cho người đọc thấy quá trình phát triển của du lịch trên một vùng lãnh thổ thời kỳ thuộc địa, từ đó chỉ ra mối liên hệ giữa du lịch với quá trình thuộc địa hóa. Các khía cạnh khác nhau của bức tranh du lịch Việt Nam thời Pháp thuộc cũng là chủ đề của nhiều bài viết đăng trên các tạp chí khoa học và trong các xuất bản phẩm khác, tiêu biểu như: *Visiting Indochina, the imaginary of the French colonial period in today's tourist Vietnam* (Viếng thăm Đông Dương: Hình dung về thời kỳ thuộc địa Pháp trong du lịch Việt Nam ngày nay) của Peyvel (2011), *Tourism Development and Amenity Migration in Hill Stations: The case study of Sapa in Vietnam* (Phát triển du lịch và di cư an cư ở các khu nghỉ dưỡng trên núi: Nghiên cứu trường hợp Sa Pa ở Việt Nam)

(Vũ Nam và cộng sự 2010), *Đỉnh cao đế quốc: Đà Lạt và sự hưng vong của Đông Dương thuộc Pháp* (Jennings 2022)² v.v..

Các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng dành nhiều sự quan tâm cho hoạt động kinh tế mới ra đời trong lòng Đông Dương cùng với sự xâm nhập mạnh mẽ của các thành phần xã hội mới. Những công trình tiêu biểu về chủ đề này có thể kể tới gồm: *Du lịch Việt Nam đầu thế kỉ XX* (Trần Viết Nghĩa 2010), *Émergence et développement du tourisme en Annam (1910-c.1945)* (Sự hình thành và phát triển của du lịch ở Trung Kỳ (1910 - khoảng 1945)) (Nguyễn Thị Thanh Nga 2019), *Tourism and Colonization: Establishment of French Indochina Tourism in the Early 20th Century* (Du lịch và Thuộc địa hóa: Sự hình thành ngành du lịch Đông Dương thuộc Pháp vào đầu thế kỷ 20) Bùi Thị Hệ 2021), *Các khu nghỉ dưỡng ở phía Bắc Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)* (Võ Văn Thành và cộng sự 2022), *Vài nét về du lịch Việt Nam trước năm 1945* (Phan Huy Xu và cộng sự 2021), *Du lịch, du khảo trên Nam Kỳ tuần báo* (Võ Văn Thành và cộng sự 2022), *Du lịch Đông Dương xưa* (Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1 2024), *Vài nét về khách du lịch Việt Nam thời thuộc địa* (Lê Trung Dũng 2024), *Du lịch ở Bắc Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945* (Trần Thị Phương Hoa 2024), v.v.. Đi sâu vào nghiên cứu các địa điểm du lịch nói chung, các khu nghỉ dưỡng trên núi tại Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX có các công trình khoa học như: *Tập san sử địa: Đặc khảo Đà Lạt* (Nhiều tác giả 1971), *Đường sắt, du lịch và đô thị miền núi: Trường hợp Sapa* (Nguyễn Văn Chính 2016), *Quá trình mở đường lên Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Yên) đầu thế kỷ XX, Tam Dao Resort (Vinh Yen Province) in the French Colonial Period* (Khu nghỉ dưỡng Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Yên)

² Tên gốc: *Imperial Heights: Dalat and the Making and Undoing of French Indochina*.

thời Pháp thuộc), *Hill Stations in Vietnam During the French Colonial Period: The Case Study of Tam Dao* (Các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam thời Pháp thuộc: Nghiên cứu trường hợp Tam Đảo) (Trần Xuân Hùng 2023a, 2023b, 2024), v.v.. Nhìn chung những nghiên cứu này đã cung cấp cho người đọc những thông tin chung về bức tranh du lịch Việt Nam thời cận đại. Tuy nhiên, phần đa các kết quả này đều tập trung vào việc khắc họa quá trình hình thành của các điểm du lịch cũng như các hoạt động du lịch ở Việt Nam, công tác quy hoạch và tổ chức quản lý nhằm đảm bảo cảnh quan, kiến trúc phục vụ hoạt động nghỉ dưỡng vẫn là vấn đề cần tiếp tục đi sâu tìm hiểu và làm rõ.

Vận dụng kết hợp các phương pháp lịch sử, logic, phân tích và so sánh, dựa trên các tài liệu sơ cấp và thứ cấp, bài viết này không nhằm mục đích làm rõ chính sách hay quá trình kiến tạo cấu trúc không gian của các địa điểm du lịch Việt Nam thời Pháp thuộc, mà chỉ tập trung phân tích một số đặc trưng kiến trúc và cảnh quan các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX. Trong đó, Đà Lạt, Tam Đảo, Sapa là những đối tượng được đề cập - những địa điểm binh lính Pháp và những người châu Âu ở xứ Đông Dương đặc biệt đánh giá cao (Hoàng Hằng và cộng sự 2021).

2. Điều kiện hình thành các khu nghỉ dưỡng trên núi

Cuối thế kỷ XIX, công cuộc xâm lược và bình định Việt Nam của thực dân Pháp chính thức bắt đầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện mưu đồ bành trướng lãnh thổ, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, chính phủ Paris đã gặp rất nhiều khó khăn bởi những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó, những khó khăn từ lý do chủ quan đa phần tới từ việc bất tương thích giữa thể trạng của người

phương Tây vốn quen thuộc với khí hậu ôn đới và điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Dương được đặc trưng bởi khí hậu nhiệt đới gió mùa. Một số bác sĩ người Pháp đã tuyên bố “khí hậu Nam Kỳ khó chịu đến độ ông không tin người châu Âu có thể thích ứng được”, “khí hậu khắc nghiệt, phong thổ kém lành mạnh, thời tiết nóng bức và thức ăn đơn điệu” (Jennings 2022: 20), là những gì mà họ miêu tả về điều kiện tự nhiên của vùng đất này. Số lượng người thiệt mạng trên mảnh đất Nam Kỳ không có dấu hiệu suy giảm, “không một người châu Âu nào rời khỏi Nam Kỳ mà hoàn toàn không hề hấn gì” (Jennings 2022: 22). Thực trạng này đã gây nên một làn sóng thường được biết tới với tên gọi “chạy trốn cái chết vùng nhiệt đới”, theo đó, người châu Âu tại Việt Nam bấy giờ có hai sự lựa chọn: quay trở lại nước Pháp, hoặc tìm tới các địa điểm du lịch nghỉ dưỡng nổi tiếng ở nước ngoài - những nơi có khí hậu ôn hòa hơn Việt Nam nhằm hồi phục lại sức khỏe của bản thân sau một thời gian phải đương đầu với sự khó chịu của kiểu khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển và những áp lực của cuộc chiến tranh xâm lược ở thuộc địa. Trên thực tế, hai phương án này đều gây ra thiệt hại kinh tế đáng kể cho chính quyền Paris. Chính vì vậy, yêu cầu tìm kiếm những vùng đất trên lãnh thổ Đông Dương có điều kiện khí hậu tương tự với khí hậu ôn đới của châu Âu nhằm phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người Pháp tại đây đặt ra hết sức cấp thiết.

Công cuộc tìm kiếm địa điểm thích hợp cho việc xây dựng những cơ sở điều dưỡng tại Đông Dương diễn ra từ thập niên 80 của thế kỷ XIX nhưng nó chỉ thực sự được thúc đẩy khi Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra chỉ thị nghiên cứu những địa điểm phù hợp cho “một viện điều dưỡng miền núi, nơi những viên chức cũng như dân định cư có thể lấy lại sức lực, trong khi hiện nay họ buộc phải quay về Pháp với cái giá

nặng nề phải trả đối với ngân sách của chúng ta và công việc của họ” (Jennings 2022: 32). Với mục tiêu tạo dựng địa điểm phục vụ ở Đông Dương, nhất là tại Việt Nam để “sống chung” với khí hậu nhiệt đới, người Pháp tiến hành khảo sát nhiều khu vực núi cao ở xứ thuộc địa, tuy nhiên căn cứ vào các yêu cầu về vị trí địa lý, địa hình và khí hậu cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Đà Lạt, Tam Đảo và Sapa là một trong những địa điểm đầu tiên được lựa chọn để thực hiện hóa ý đồ trên, bởi những địa điểm này hội tụ tương đối đầy đủ các tiêu chí phù hợp với việc nghỉ dưỡng của các quan chức người châu Âu.

Vị trí địa lý: Một trong những yêu cầu của chính quyền thực dân khi lựa chọn địa điểm xây dựng khu nghỉ dưỡng cho binh lính, trạm nghỉ mát cho giới thượng lưu và quan chức là nơi đó không được quá xa Hà Nội và Sài Gòn. Hơn nữa, địa điểm được lựa chọn cũng cần là nơi có thể kết nối với các tuyến đường huyết mạch, không quá khó khăn trong việc thiết lập một con đường tới địa phương đó. Đà Lạt, Tam Đảo, Sapa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên. Cuối năm 1898, Hạ nghị viện Pháp chuẩn y cho Liên bang Đông Dương mở công trái vay 200.000.000 francs dùng cho việc thiết lập các tuyến đường sắt tại Việt Nam, trong đó có tuyến đường Sài Gòn - Nha Trang - Đà Lạt và Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai³ nối với Vân Nam Phủ (Trung Quốc) (Pouyanne 1994: 130). Sự xuất hiện của các tuyến đường sắt cũng như đường bộ mới, kết nối vùng trung tâm với các khu nghỉ dưỡng làm tăng thêm tính thuyết phục đối với các nhà cầm quyền rằng con đường lên các khu nghỉ dưỡng trên núi không còn quá gian nan hiểm trở. Đồng thời, nó cũng cho phép du khách có thể dễ dàng di chuyển tới các khu nghỉ dưỡng bằng những phương tiện hiện đại thời bấy giờ.

Tới thập niên đầu của thế kỷ XX, các tuyến đường nối vùng trung tâm (Hà Nội, Sài Gòn) tới những khu nghỉ dưỡng trên núi đầu tiên ở Việt Nam đã được hình thành; và để di chuyển đến những khu vực này, người ta có thể kết hợp giữa các phương tiện đường bộ và đường sắt. Tam Đảo cách Hà Nội khoảng 85km, cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên 20km. Tới khoảng năm 1910, tuyến đường Vĩnh Yên - Tam Đảo đã đủ điều kiện để cho phép du khách di chuyển tới điểm nghỉ dưỡng bằng xe ô tô (Phủ Thống sứ Bắc Kỳ 1904-1914). Dù có một thời gian dài ngưng trệ do thiếu sự quan tâm của Toàn quyền Đông Dương kể từ sau Paul Doumer, nhưng tới năm 1915, từ Sài Gòn, người ta có thể di chuyển tới Đà Lạt theo hai con đường: đi tàu từ Sài Gòn hoặc Ma Lâm⁴ hoặc Phan Rang⁵, sau đó từ hai địa điểm này đi theo tuyến đường bộ để lên Đà Lạt (Hân Nguyên 1971: 281). Sapa được chính quyền quyết định lựa chọn làm nơi xây dựng một khu nghỉ dưỡng muộn hơn (năm 1909), nhưng một vài năm sau đó, một tuyến đường bộ sơ khai nối từ Lào Cai tới Sapa mới được mở ra, nhờ đó các du khách có thể dễ dàng đi từ Hà Nội lên Lào Cai theo tuyến đường sắt Hải Phòng - Vân Nam, từ Lào Cai di chuyển tiếp khoảng gần 40km nữa để lên tới khu nghỉ dưỡng. Tới năm 1924, trục lộ chính Lào Cai - Sapa chính thức được hoàn thiện với thời gian di chuyển chỉ còn khoảng 3 giờ đồng hồ, cho phép du khách có thể lên tới khu vực nghỉ dưỡng bằng xe ô tô (Nguyễn Văn Chính 2016: 500-501). Một đặc điểm chung của những tuyến đường bộ mới này là trong thời gian đầu, các du khách phải di chuyển bằng xe thồ hoặc bằng ngựa, tới khoảng những năm 20 của thế kỷ XX, những tuyến đường đó mới được nâng cấp, mở rộng cho phép xe ô tô có thể di chuyển được.

Địa hình, cảnh quan: Cả Đà Lạt, Tam Đảo, Sapa đều tọa lạc trên những ngọn núi

³ Trên tuyến này du khách có thể dừng ở ga Vĩnh Yên và ga Lào Cai để lần lượt di chuyển tới Vĩnh Yên và Sapa.

⁴ Nay thuộc huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Định.

⁵ Nay thuộc tỉnh Ninh Thuận.

cao và trung bình, vị trí được lựa chọn để xây dựng khu nghỉ dưỡng nằm ở lưng chừng núi với độ cao khoảng 1.000m tùy theo địa điểm. Trên các ngọn núi này là những vách đá cheo leo, những đỉnh núi hiểm trở, các hang động hùng vĩ, những thác nước tuyệt mỹ, bên cạnh đó là những khu rừng nhiệt đới với hệ động, thực vật phong phú. Điều này thích hợp cho việc phát triển loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cũng như các loại hình du lịch khám phá mạo hiểm. Nếu như khí hậu Đà Lạt được ví với “nữ hoàng của những ngọn đồi” Shimla hay Darjeeling Ấn Độ thì Sapa lại khiến người ta nhớ về dãy Alps ở châu Âu bởi khung cảnh thiên nhiên hữu tình. Vị trí của khu nghỉ dưỡng Tam Đảo tuy bị giới hạn trong một thung lũng nhỏ nhưng từ trong lịch sử, nơi đây vốn được biết tới như một “đanh sơn” của đất Giao Chỉ, bên trong lại có “Tiên uyển” (vườn Tiên) (Lê Quý Đôn 2007: 340) và “tắm lưa” phát nguyên từ một khe đá trên đỉnh núi chảy qua thung lũng mang tên Thác Bạc được xem như điểm nhấn của toàn bộ danh thắng.

Mục tiêu quan trọng nhất khi xây dựng khu nghỉ dưỡng trên núi là khôi phục sức khỏe cho những người châu Âu đang vật lộn vì khí hậu và các căn bệnh của vùng nhiệt đới. Chính vì vậy, trong quá trình khảo sát, nhiều địa điểm đã bị gạt khỏi danh sách do không đảm bảo được yêu cầu về mặt y tế. Trong bức thư gửi mẹ, Alexandre Yersin⁶ mô tả dãy núi Lang-Bian (nơi sau này xây dựng khu nghỉ dưỡng Đà Lạt) rằng: “Có một bình nguyên bao la, hoang vắng rộng chừng 400km² với một ngọn núi mọc lên ở giữa. Độ cao trung bình của bình nguyên là 1.500m trên mực nước biển; núi cao hơn 2.000m. Con tin rằng địa phương này tốt cho sức khỏe vì nó hoang vu” (Jennings 2022: 38). Trong công cuộc tìm kiếm địa điểm để xây dựng một khu nghỉ dưỡng gần với Hà Nội, người Pháp đã tiến hành khảo sát khu vực Tam Đảo, Ba Vì và Lạng Sơn. Cuối cùng, họ đã lựa chọn Tam Đảo, do các nhà thám hiểm bấy giờ không tìm thấy những mầm mống của bệnh sốt rét (Notice Sur Le Tam Dao: 3).

Bảng 1: Nhiệt độ tại Paris, Nice, Tam Đảo, Đà Lạt, Sapa, Hà Nội và Sài Gòn một đầu thế kỷ XX (Đơn vị: °C)

Tháng	Paris (1905)	Nice (1905)	Tam Đảo (1905)	Sapa (1920-1930)	Đà Lạt (1917-1930)	Hà Nội (1907-1930)	Sài Gòn (1907-1930)
Tháng 1	1,4	5	14,1	8,0	17,2	17	26,2
Tháng 2	4,3	5,9	11,7	9,9	17,9	17,4	27,2
Tháng 3	7,9	9,1	14,3	13,1	18,9	20,3	28,7
Tháng 4	9,2	11,7	18,6	16	19,9	23,9	29,8
Tháng 5	12,5	13,8	22	19,1	20,5	27,6	29
Tháng 6	17,1	18,8	22,9	19,5	20	29,1	27,8
Tháng 7	19,9	24,3	22,3	20,5	19,3	29,1	27,3
Tháng 8	17,2	21,4	22,9	19,8	19,6	28,8	27,5
Tháng 9	14,1	18,2	20,4	18,3	19,6	27,7	27,4
Tháng 10	6,9	11,8	18,6	15,5	19,1	25,4	27,2
Tháng 11	4,8	9,1	10,6	12,8	18,2	21,6	26,7
Tháng 12	3,4	7,8	9,9	11,1	17,3	18,5	26

(Nguồn: République Française 1907: 1-2; Brochier 1906: 23; Gouvernement Général de l'Indochine 1932: 7, 9, 13, 14)

⁶ Bác sĩ A. Yersin, người phát hiện ra cao nguyên Lang Biang vào cuối thế kỉ XIX.

Khí hậu: Nằm trọn vẹn trong khu vực nội chí tuyến nên khí hậu Việt Nam là kiểu khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi biển, thời tiết thường nóng bức, nhiệt độ trung bình năm khá cao, biên độ dao động nhiệt lớn. Chính vì vậy, các khu vực trên núi với độ cao trung bình có khí hậu tương tự với xứ ôn đới sẽ là lựa chọn hàng đầu của giới cầm quyền.

Bảng 1 cho thấy sự khác biệt rõ nét về khí hậu của các vùng phía Bắc, phía Nam của nước Pháp so với hai trung tâm hành chính của Đông Dương thuộc Pháp, đồng thời nó cũng phản ánh sự tương đồng giữa hai vùng này với các địa điểm được lựa chọn để xây dựng các khu nghỉ dưỡng trên núi, phục vụ mục tiêu “chạy trốn” khỏi mùa hè của xứ sở này. Sự khác biệt về nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt giữa các tháng cũng là minh chứng cho thấy Tam Đảo và Sapa mang đặc trưng khí hậu của vùng cận nhiệt hoặc ôn đới, Đà Lạt tuy có nhiệt độ trung bình cao hơn nhưng lại khiến người ta nhớ đến mùa hè ở vùng duyên hải Pháp trên biển Địa Trung Hải. Đây là điều kiện quan trọng để các nhà thám hiểm châu Âu cũng như chính quyền Đông Dương quyết định xây dựng những khu nghỉ dưỡng tại những vị trí như một ốc đảo ở non cao, gần như biệt lập với thế giới bên ngoài.

3. Định hướng xây dựng của các “ốc đảo trên núi”⁷

Nhìn lại toàn bộ quá trình thiết lập các “ốc đảo ôn đới” ở Đông Dương, có thể thấy rằng, ban đầu chính quyền Liên bang Đông Dương chỉ có ý định xây dựng những nơi này trở thành khu nghỉ dưỡng quân đội, tuy nhiên, nhằm đáp ứng nhu cầu của đông đảo người châu Âu tại xứ thuộc địa, họ đã quy hoạch các địa điểm được lựa chọn trở thành

những khu nghỉ dưỡng dân sự, thậm chí, một số khu vực đã được định hướng trở thành các trung tâm hành chính mới của Đông Dương. Theo đó, tại Đà Lạt, Tam Đảo và Sapa, một trong những công trình đầu tiên mà người Pháp cho xây dựng chính là các nhà điều dưỡng quân đội. Thậm chí, tới cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, khi người Pháp đã xây dựng nhiều địa điểm du lịch trên toàn Đông Dương, nhu cầu nghỉ dưỡng không còn gói gọn trong phạm vi những cư dân châu Âu mà đã có sự mở rộng tới cả những người Việt thuộc tầng lớp thượng lưu. Trong công cuộc phát triển mảnh đất Ba Vì, cùng với việc xây dựng một vài biệt thự cho quan chức Pháp, chính quyền thực dân cũng cho xây dựng một trung tâm nghỉ mát phục vụ binh lính với 15 ngôi nhà, 2 phòng ăn ở khu vực phía Bắc của vùng đất này (Trần Viết Nghĩa 2010: 169).

Mặc dù các khu nghỉ dưỡng trên núi ban đầu được xây dựng nhằm tạo ra một khu vực chữa bệnh, phục hồi sức khỏe cho các quân nhân và một bộ phận người Pháp. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và khai thác, nơi này đã được chuyển đổi mục đích sử dụng, trở thành một khu nghỉ mát mùa hè cho giới trung - thượng lưu phương Tây. Chính vì vậy, trong việc thiết lập các khu nghỉ dưỡng trên núi, người Pháp đã đặc biệt chú ý tới việc xây dựng các cơ sở lưu trú phục vụ cho các du khách với hai loại hình chính là biệt thự và khách sạn. Dựa trên quyền sở hữu, biệt thự tại các địa điểm này cũng được phân chia thành hai nhóm là biệt thự công và biệt thự tư nhân. Xét về quy mô, số lượng biệt thự tại Đà Lạt chiếm số lượng lớn nhất. Tính tới năm 1938, nơi này có 398 biệt thự và tới năm 1939 đã nhanh chóng tăng lên 427 biệt thự (Hãn Nguyên 1971: 285). Tại Sapa, con số này tuy có khiêm tốn hơn một chút nhưng đến năm 1943 đã có khoảng 200 biệt thự do người Pháp xây dựng (Nguyễn Văn Chính 2016: 499). So với hai địa điểm trên, số lượng biệt thự tại

⁷ “Ốc đảo trên núi” là cách dùng trong sách *Du lịch Đông Dương xưa* (2024).

Tam Đảo là không đáng kể, tới thập niên 1930, 1940, con số này chỉ là khoảng 100 (Trần Xuân Hùng 2024: 89) và chưa có sự thống nhất về số lượng cụ thể giữa các nguồn tài liệu.

Song song với các cơ sở nghỉ dưỡng mang tính biệt lập, mô hình khách sạn hướng tới đối tượng là các khách du lịch ngắn ngày cũng là loại hình lưu trú mà giới tư bản Pháp chú ý tới. Hàng loạt khách sạn được xây dựng tại những khu nghỉ dưỡng này, tiêu biểu như ở Sapa có Hôtel du Domaine de Chapa, L'hôtel Métropole, Khách sạn trung tâm v.v.; ở Đà Lạt có Hôtel du Lac, Hôtel du Langbian Palace, Hôtel du Parc v.v... Có thể nói, Hôtel du Langbian Palace là khách sạn tiện nghi, xa hoa bậc nhất Đông Dương thời bấy giờ. Khách sạn này được xây dựng trên mảnh đất có diện tích hơn 4ha vào năm 1916 và hoàn thành vào năm 1922 với ba tầng nổi và một tầng hầm, có khoảng 40 phòng nghỉ với nhiều công trình tiện ích khác như sân tennis, phòng họp, nhà hàng, phòng khiêu vũ, rạp chiếu phim v.v.. Từ khách sạn, du khách có thể dễ dàng ngắm nhìn dãy núi Lang Bian hay đi dạo quanh hồ Xuân Hương. Mọi nhu cầu giải trí, nghỉ dưỡng đều có thể đáp ứng tuyệt đối ở đây. Trái ngược với những địa điểm trên, sau khoảng 40 năm xây dựng và phát triển, Tam Đảo vẫn chỉ có một khách sạn mang tên Thác Bạc được khánh thành vào năm 1913. Đây là một công trình đồ sộ, tầm nhìn hướng ra thung lũng, có đầy đủ các tiện nghi nhằm đáp ứng cho nhu cầu nghỉ dưỡng, vui chơi của du khách. Ban đầu, khách sạn có 16 phòng nghỉ, sau đó được mở rộng và tới năm 1923 có 42 phòng (Cucherousset 1923: 1), đến đầu những năm 30 của thế kỷ XX là hơn 50 phòng nghỉ. Mặc dù có số lượng phòng khá lớn nhưng trong ba tháng hè, khách sạn luôn kín phòng. Bên trong khách sạn còn có hội trường lớn được chuyển đổi thành phòng khiêu vũ và uống rượu, phòng ăn, nhà hàng,

một căn phòng lắp kính cho trẻ em vui chơi, hai nhà để xe lớn đặt ở tầng hầm, rạp chiếu phim v.v.. Bên cạnh đó, nhằm phục vụ cho nhu cầu của du khách, chính quyền thực dân cũng tổ chức nhiều hoạt động văn hóa giải trí và thể thao ngoài trời, một số cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật phục vụ các hoạt động này cũng được thiết lập, nhưng nhìn chung những nơi này cũng chưa được phát triển thành một khu du lịch hay trung tâm vui chơi giải trí thu hút đông đảo du khách.

Cùng với quá trình thiết lập một địa điểm nghỉ dưỡng, hồi phục sức khỏe mà người Pháp thực hiện ở một số vùng cao Việt Nam, không gian cư trú ở những vùng đất này cũng thay đổi theo hướng đô thị hóa, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp được đẩy mạnh, tính chất đô thị hiện hữu rõ nét. Tuy nhiên, nếu người Pháp chỉ định hướng xây dựng Tam Đảo trở thành một đô thị du lịch thì tại Đà Lạt và Sapa, chính quyền thực dân đã hy vọng biến những nơi này trở thành các trung tâm hành chính mới tại xứ thuộc địa bên bờ Thái Bình Dương. Trong suốt hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển cao nguyên Lâm Viên, người Pháp đã cho thiết lập 6 đồ án quy hoạch quan trọng, có ý nghĩa lớn với cảnh quan của vùng đất này⁸. Tuy nhiên, diện mạo về một thủ đô mới của xứ Đông Dương chỉ thực sự được hiện diện trong những bản quy hoạch năm 1923 và 1940. Đặc biệt, đồ án năm 1923 của Hébrard đã mừng tượng ra viễn cảnh phát triển phố núi này thành một đô thị với 300.000 dân và được phân thành ba khu lớn là khu dân cư, khu quân sự và khu hành chính. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, công cuộc thiết lập vùng trung tâm mới của Đông Dương đã bị tạm dừng vào đầu thập niên 1930 và chỉ được khởi động lại vào năm 1940. Với đồ án

⁸ Bản quy hoạch năm 1906 của Paul Champoudry, bản quy hoạch 1919 của O'Neill, bản quy hoạch năm 1923 của Hébrard, bản quy hoạch năm 1932 của Pineau, bản quy hoạch năm 1940 của Mondet và bản quy hoạch năm 1943 của Lagisquet.

được đưa ra, những giá trị cốt lõi do Hébrard gây dựng vẫn được giữ nguyên và tập trung vào việc chỉnh trang, mở rộng khu nghỉ dưỡng ở Đà Lạt. Trong bài viết đăng trên *Tập san Pháp lý và Kinh tế Đông Dương* năm 1937 với tiêu đề “Đà Lạt, thủ đô hành chính của Đông Dương?”, Pineau đã phân tích những khía cạnh khác nhau như lịch sử, địa lý, chính trị, an ninh, dự báo xu hướng phát triển về quy mô đô thị và dân cư v.v. để chỉ ra rằng Đà Lạt hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết để trở thành khu vực “đầu não” của chính quyền Liên bang Đông Dương (Đỗ Hoàng Anh 2021).

Mặc dù chưa nhận được sự quan tâm đầu tư mạnh mẽ như vùng đất trên cao nguyên Lâm Viên, nhưng ngay từ năm 1914, Sapa đã được định hướng để trở thành “một thủ đô mùa hè thực thụ trên vùng núi. Hằng năm, vào mùa hè, toàn bộ Dinh Thống sứ và các sở, ban ngành liên quan sẽ chuyển từ Hà Nội đến Sapa và lưu trú lại đây đến tháng 10” (Nguyễn Văn Chính 2016: 496). Các công việc cần thiết cho việc di dời các trung tâm hành chính của Đông Dương nói chung, Bắc Kỳ nói riêng đã được các cấp chính quyền và những bộ phận có liên quan thực hiện phần nào nhưng những ý định đó đều không thực hiện được. Một trong những nguyên nhân dẫn tới thực trạng này là do sự thay đổi về tư duy cai trị của những người lãnh đạo ở mỗi thời kỳ⁹.

⁹ Nếu như Paul Doumer, Albert Sarraut, René Robin v.v. là những đại diện cho việc ủng hộ thiết lập các trung tâm hành chính mới của Đông Dương với mục tiêu đảm bảo sức khỏe cho những người châu Âu, duy trì năng suất lao động và khẳng định sức mạnh của đế chế thực dân thì một số Toàn quyền khác, tiêu biểu như Paul Beau lại tỏ ra thận trọng hơn với những kế hoạch này bởi ông lo ngại về những nguy cơ có thể xảy đến đối với nguồn ngân sách khổng lồ dùng vào việc đầu tư cho những dự án kể trên. Đây là nguyên nhân quan trọng khiến các dự án thiết lập khu nghỉ dưỡng trên núi ở Đông Dương “ngủ yên” trong suốt nhiều năm của thập niên đầu tiên thế kỉ XX. Trong giai đoạn từ giữa những năm 1930 tới đầu những năm 1940, những ý tưởng trong bản thiết kế của kiến trúc sư Pineau cũng được giới chức sử dụng như “công cụ” chính

4. Công tác quy hoạch các khu nghỉ dưỡng trên núi

4.1. Thiết kế và quản lý kiến trúc

Chính quyền Pháp chủ trương và tập trung thiết lập các công trình trên các khu nghỉ dưỡng thân thiện với điều kiện tự nhiên, phù hợp với cảnh quan sinh thái của vùng. Tại Tam Đảo, người Pháp đã tiến hành khảo sát, nghiên cứu kĩ lưỡng đặc điểm địa lý cũng như địa điểm được lựa chọn xây khu nghỉ dưỡng, từ đó đưa ra quy hoạch tổng thể và những quy định kèm theo về: chiều cao công trình, diện tích lô đất, diện tích các công trình trong mỗi lô đất, khoảng cách giữa các công trình, v.v.. Sự đồng nhất trong quy hoạch cũng là đặc điểm chung của các khu nghỉ dưỡng trên núi tại Việt Nam thời Pháp thuộc, ví dụ như các biệt thự ở Sapa đều phải hướng mặt chính về dãy Hoàng Liên Sơn. Hay như những biệt thự ở khu nghỉ dưỡng Tam Đảo có đặc trưng là cùng hướng về khu vực thung lũng ở trung tâm. Càng xa trung tâm lại càng có nhiều biệt thự cao tầng với quy mô khác nhau. Đồng thời, các biệt thự cũng được xây theo triền núi và không xây sát nhau. Nghị định ngày 1/9/1923 về *Quy chế an ninh và vệ sinh tại Tam Đảo* quy định: “Trong phạm vi khu nghỉ mát Tam Đảo, không ai được xây dựng một ngôi nhà nào cũng như các nhà phụ thuộc của nó, thực hiện một công việc phục hồi, biến đổi, bố trí hay phá hủy các công trình hiện hữu mà không có giấy phép của chính quyền”, nếu ai vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định (*Quy chế cảnh sát và vệ sinh tại Tam Đảo*, Ký hiệu RST. 67572). Có thể nói, việc đặt ra những quy định chặt chẽ về quy hoạch, kiến trúc, vệ sinh v.v. không chỉ giúp du khách tận hưởng được kì nghỉ thoải mái, mà còn đảm bảo được tính tự nhiên của khu nghỉ dưỡng, khai thác tối đa những thế

trong việc chỉnh trang lại diện mạo của Đà Lạt với chức năng chủ yếu là phục vụ hoạt động nghỉ dưỡng.

manh nơi đây, hạn chế tình trạng phá hủy cảnh quan thiên nhiên vốn có.

Trong nghiên cứu về đồ án quy hoạch Đà Lạt của Hébrard, Nguyễn Thị Như Trang (2024: 20-21) cũng chỉ rõ: “Tác giả sử dụng dòng suối Cam Ly như trục cảnh quan trung tâm, kết hợp cùng hệ thống các hồ nhân tạo nằm uyển chuyển theo địa hình với những con đường bao quanh men theo sườn các thung lũng. Bố cục chính của thành phố được tổ chức dựa trên trục cảnh quan này, mỗi hồ nước là một trung tâm cảnh quan của các công trình trong một phân khu chức năng. Trục đường xương sống kéo dài từ nhà ga xe lửa tới thác Cam Ly, dựa theo đường đỉnh của địa hình, ngày nay là các tuyến đường Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Trần Phú và Hoàng Văn Thụ. Đứng trên tuyến đường này nhìn về phía Bắc sẽ thấy một quang cảnh ấn tượng với hồ Xuân Hương, đồi Cù, một cánh rừng trải dài và núi Lang-Bian ở cuối phía xa”. Nhìn lại toàn bộ hoạt động quy hoạch ở cao nguyên Lâm Viên giai đoạn tiền Hébrard có thể thấy, các kiến trúc sư cũng đã thiết kế vùng đất này theo lối tôn trọng và phát huy những giá trị sinh thái cảnh quan nơi đây, tuy nhiên, quy tắc quy hoạch “thành phố vườn” vẫn chưa được thể hiện một cách rõ nét và xuyên suốt như trong đồ án năm 1923. Trong những bản thiết kế hậu Hébrard, vấn đề bảo tồn, phát triển các giá trị về điều kiện tự nhiên của Đà Lạt vẫn tiếp tục là vấn đề giành nhiều sự quan tâm của các kiến trúc sư. Trên cơ sở đó, một thành phố cảnh quan rừng - thành phố du lịch và nghỉ dưỡng sinh thái (Trần Đức Lộc 2022: 89) đã từng bước được xây dựng và phát triển, trở thành một trong những trung tâm nghỉ dưỡng tiêu biểu thời kỳ thuộc địa.

Vật liệu xây dựng tại các khu nghỉ dưỡng cũng được lựa chọn là những vật liệu thân thiện, phù hợp với cảnh quan tự nhiên. Năm 1917, giới chức trách Đông Dương quy định rõ, các công trình xây dựng ở Tam Đảo chỉ

được xây bằng gạch, đá, xi măng (Phủ Thống sứ Bắc Kỳ 1914-1925). Nhận xét về các công trình kiến trúc ở nơi đây, Nguyễn Thị Như Trang cũng cho biết: “Những công trình chủ yếu được xây dựng bằng vật liệu đá khai thác tại địa phương, có sự kết hợp giữa công nghệ và mỹ thuật châu Âu, đã được nghiên cứu để phù hợp với các yếu tố tự nhiên, địa hình và khí hậu của khu vực” (2024: 10). Do những lý do chủ quan và khách quan, hiện nay, tác giả chưa tìm được những nghiên cứu chuyên sâu về vật liệu xây dựng tại các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam thời Pháp thuộc, tuy nhiên, thông qua những công trình kiến trúc hiện còn ở Đà Lạt và Sapa như biệt thự, nhà thờ, có thể thấy, những địa điểm này cũng sử dụng loại hình vật liệu tương tự như Tam Đảo. Trong đó, nếu như tại các nhà thờ, đá thường là vật liệu chính trong việc xây dựng thì ở nhiều công trình biệt thự, đá lại thường được sử dụng để xây hàng rào và tầng trệt/tầng hầm. Một số biệt thự sử dụng đá vào việc bao mặt ngoài, đặc biệt là các góc tường, nhưng nhìn chung gạch sẽ là vật liệu quan trọng, phần mái được lợp ngói.

Được mệnh danh là một bảo tàng kiến trúc Pháp hay một bảo tàng kiến trúc châu Âu, có thể thấy, đặc điểm nổi bật trong cảnh quan khu nghỉ dưỡng ở Đà Lạt là sự hình thành và phát triển của các công trình kiến trúc mang phong cách phương Tây. Trong một nghiên cứu tổng thể về du lịch Đông Dương xưa, nhóm tác giả từ Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1 (2024: 76) cho biết “hơn 1.000 biệt thự của Đà Lạt được thiết kế theo kiểu miền Bắc nước Pháp”. Tuy nhiên, khi soi xét vào đặc trưng kiến trúc biệt thự cổ ở Đà Lạt, có thể thấy, biệt thự ở đây có thể phân thành năm phong cách kiến trúc chủ yếu ở Pháp là: kiến trúc vùng Normandie (phía Tây Bắc), kiến trúc vùng Bretagne (phía Tây), kiến trúc vùng Provence (phía Đông Nam), kiến trúc xứ Basque (phía Đông Nam) và kiến trúc vùng Savoie (phía

Đông Nam) (Nguyễn Thị Như Trang 2024: 74). Điều này được minh chứng rõ nét qua các biệt thự hiện còn ở Đà Lạt và Sapa. Những bức ảnh chụp khung cảnh Tam Đảo

nửa đầu thế kỉ XX cũng là minh chứng rõ nét cho sự hiện diện của kiến trúc châu Âu, trong đó chủ yếu là kiến trúc Pháp.

Hình 1: Biệt thự dưới chân một ngọn núi ở Tam Đảo



(Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I 2024: 59)

Mặc dù Đà Lạt được định hướng xây dựng thành một thành phố Pháp trên cao nguyên nhưng tại đây vẫn “chấp chứa, điểm xuyến các công trình đậm nét kiến trúc phương Đông và dân tộc bản địa. Diện mạo kiến trúc Đà Lạt tổng hòa được tinh hoa của cả ba nền văn hóa Âu, Việt và dân tộc vào cấu trúc không gian đô thị” (Trần Đức Lộc 2022: 87). Thậm chí ngay cả những công trình có nguồn gốc ý nghĩa từ phương Tây, được xây dựng với đặc trưng kiến trúc của nước Pháp cũng đã được các kiến trúc sư tô điểm thêm một số yếu tố bản địa của cao nguyên Lâm Viên vào trong các “tác phẩm” này. Tiêu biểu trong số đó là nhà thờ Domain de Marie (nay còn được biết tới với tên gọi là nhà thờ Vinh Sơn hay nhà thờ Mai Anh). Đây là công trình tôn giáo được xây dựng vào khoảng thập niên 1940 theo phong cách kiến trúc vùng Normandie nhưng phần mái của nhà thờ lại được xây dựng với độ dốc lớn, điều này khiến không ít người liên

tưởng tới căn nhà rông tại các buôn làng Tây Nguyên. Có thể nói, thiết kế của nhà thờ Domain de Marie là minh chứng quan trọng cho thấy sự hòa quyện giữa các công trình xây dựng theo lối châu Âu với cảnh quan sinh thái tại các khu nghỉ dưỡng trên núi của Đông Dương.

4.2. Phân vùng quy hoạch

Quy hoạch được hiểu là sự phân bố và sắp xếp các hoạt động, các yếu tố sản xuất, dịch vụ và đời sống trên một địa bàn lãnh thổ cho một thời kỳ trung hạn, dài hạn để cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên lãnh thổ theo thời gian và là cơ sở để lập các kế hoạch phát triển (Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam 1995: 616). Việc phân vùng đất đai nhằm đảm bảo việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên hữu hạn này luôn là vấn đề quan trọng đối với chính quyền quản lý.

Đà Lạt được định hướng trở thành một thủ đô hành chính mới của Đông Dương, vì vậy, công tác quy hoạch và phân vùng đã được chú trọng thực hiện từ sớm, tuy nhiên, điều này ít được thể hiện trong các bản quy hoạch ở những khu nghỉ dưỡng khác tại Việt Nam cùng thời gian này. Tới năm 1942, vấn đề phân vùng mới được các kiến trúc sư đề cập chi tiết, rõ nét trong bản quy hoạch về vùng mở rộng của Tam Đảo. Theo đó, khu vực này dự kiến được chia thành các vùng nhỏ là: vùng nhà ở, vùng buôn bán, vùng khách sạn và các vùng đất trống phục vụ cho việc xây dựng các công trình công cộng hoặc các công trình khác tùy theo quy hoạch của chính quyền (Phủ Thống sứ Bắc kỳ 1942).

Tuy nhiên, trong thời kỳ Pháp thuộc, điểm nổi bật nhất trong phân vùng quy hoạch các khu nghỉ dưỡng đó là sự hình thành của các làng An Nam. Sự phân biệt và khinh miệt giữa các nhóm người đã được phản ánh ngay từ tên gọi của vùng đất này. Nhìn chung, các khu người Việt thường được bố trí ở những khu vực có điều kiện kém nhất trong khu nghỉ dưỡng và tách biệt hoàn toàn với nơi sinh sống, làm việc của người châu Âu. Chính bởi việc sinh sống dọc theo sông Cam Ly, ngay cửa nguồn đập chắn của hồ nước đã đưa tới hậu quả thảm khốc ở Đà Lạt vào năm 1932 khi lũ lụt gây tràn hồ nhân tạo năm 1932: có 17 người chết toàn là người Việt (Jennings 2022: 200). Việc tìm kiếm và xây dựng các khu nghỉ dưỡng giúp người châu Âu thoát khỏi “cái chết vùng nhiệt đới” là một chính sách rất nhân văn của chính quyền Liên bang Đông Dương, điều này phần nào phản ánh sự quan tâm tới quyền lợi của người Âu của nước Pháp, tuy nhiên, đối với người dân thuộc địa, đặc biệt là những người thuộc tầng lớp bình dân, vấn đề nhân quyền dường như là điều mà họ chưa từng được nhận từ nơi được gọi là chính quốc. Như vậy, trong công tác quy hoạch các khu nghỉ dưỡng, các kiến trúc sư Pháp cũng như giới chức nước này

đã thực thi một tư tưởng xuyên suốt: thân thiện với điều kiện tự nhiên của lãnh thổ hải ngoại và xa lánh, cách biệt với người dân thuộc địa.

4.3. Cơ sở hạ tầng

Với đối tượng phục vụ chính là những người châu Âu vốn quen thuộc với sự tiện nghi, đầy đủ của các công trình vật thể kiến trúc tương đối hiện đại phục vụ cho đời sống thường nhật của họ tại các đô thị, nên trong quá trình kiến thiết các khu nghỉ dưỡng trên núi, chính quyền thực dân đặc biệt chú ý tới việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Nước là nguồn tài nguyên quý giá, có ý nghĩa quan trọng đối với sức khỏe, sản xuất và sự phát triển của xã hội. Hiểu rõ được điều này, trong giai đoạn thập niên 1920, thập niên 1930, những hệ thống cung cấp nước sạch ở Đà Lạt và Sapa đã chính thức được khởi công và đưa vào sử dụng (Nguyễn Văn Chính 2016: 500-501). Nước sinh hoạt của Tam Đảo được cung cấp chủ yếu bởi các dòng suối và được kiểm soát về quy chuẩn vệ sinh khá nghiêm ngặt bởi Viện Pasteur. Các nhân viên của viện lấy mẫu nước hằng tuần trong suốt mùa hè và đem đi phân tích mức độ an toàn cho người dùng. Đồng thời, nước sạch cung cấp tới mỗi hộ được tính phí theo quy định của chính quyền thực dân và lưu lượng sử dụng nước được thể hiện thông qua đồng hồ đo (Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (1931).

Hệ thống đường điện cũng từng bước được thiết lập tại các vùng cao có người Pháp sinh sống. Trong quá trình xây dựng khu nghỉ dưỡng, các đường dây điện được lắp đặt tại Tam Đảo nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của du khách, ánh sáng của đèn điện đã phủ lên một góc của dãy núi này. Tuy nhiên, tới năm 1929, hệ thống điện vẫn chưa ổn định và hầu như chưa đáp ứng được hết nhu cầu của du khách. Khách sạn Thác Bạc là nơi được ưu tiên cấp điện hơn những nơi khác nên nguồn điện thường khá ổn

định, tuy nhiên, lượng điện cung cấp cho những nơi khác lại khá thấp (ví dụ như ánh sáng đèn điện khá mờ ảo, không đủ để đọc sách), đôi khi xảy ra tình trạng mất điện (Barbisier 1929: 5). Với định hướng quy mô vượt trội hơn so với Tam Đảo, năm 1918, chính quyền thực dân đã cho xây dựng một nhà máy điện trên cao nguyên Lâm Viên, phục vụ trực tiếp cho người châu Âu ở nơi đây. Gần 10 năm sau đó, tại Sapa, một trạm thủy điện có công suất 100kw cung cấp điện sinh hoạt trong khu nghỉ dưỡng cũng từng bước hiện diện ở bản Cát Cát (Nguyễn Văn Chính 2016: 500).

Sự ra đời của điện thoại đã đánh dấu bước đột phá lớn trong công nghệ truyền tin, bởi hình thức liên lạc này cho phép người ta có thể kết nối, trao đổi thông tin từ xa trong thời gian ngắn hơn nhiều so với hình thức thông tin truyền thống trước đó. Các khu nghỉ dưỡng được xây dựng với mục tiêu trở thành “nơi trú ẩn vào mùa hè” cho những người vốn quen với khí hậu ôn đới nhưng vì nhiều lý do nên họ buộc phải di cư tới xứ nhiệt đới nóng ẩm, trong đó đối tượng chủ yếu là các quan chức, thương nhân Pháp. Chính vì vậy, nhu cầu truyền tin, đảm bảo sự lưu thông tin tức phục vụ hoạt động chính trị, kinh tế là vấn đề giành được nhiều sự quan tâm của thực dân Pháp. Năm 1907, nhằm nối liền thông tin với vùng Tam Đảo, thực dân Pháp đã cho kéo dây điện thoại từ Vĩnh Yên lên (Phủ Thống sứ Bắc Kỳ 1907), điều này cho phép các quan chức cũng như giới tư bản có thể quản lý công việc của mình từ xa. Tại khu nghỉ dưỡng Tam Đảo đã được thiết lập một mạng lưới đường dây điện báo, điện thoại, đồng thời, tại đây cũng có một văn phòng bưu điện hoạt động trong suốt mùa nghỉ dưỡng (giữa tháng 5 tới giữa tháng 10). Tuy nhiên, cho tới năm 1924, việc kết nối điện thoại giữa Hà Nội với Tam Đảo vẫn chưa được thông suốt mà cần có sự chuyển tiếp qua Vĩnh Yên, chính vì vậy, chính quyền thực dân đã lên phương án cho

việc thiết lập một đường dây kết nối trực tiếp giữa vùng thủ đô với khu nghỉ dưỡng này (*L'Éveil économique de l'Indochine* ngày 20-7-1924: 19). Theo Hân Nguyên, trong thời kỳ tái sinh (1915-1922) của Đà Lạt, nhà bưu điện được xây bằng gạch đã xuất hiện ở vùng đất bên bờ Cam Ly (1971: 282). Trên dãy núi Hoàng Liên Sơn, khách sạn Mariky được xây dựng vào năm 1924 đã có bộ điện thoại riêng phục vụ du khách (*L'Avenir du Tonkin* ngày 12/5/1931). Tới thập niên 1940, cùng với quá trình thiết lập khu nghỉ dưỡng Ba Vì, một đường dây điện thoại cũng được xây lắp ở khu vực này.

Với vai trò là một khu nghỉ dưỡng, giới chức Pháp ở Đông Dương đã chú ý tới việc xây dựng các cơ sở hạ tầng văn hóa, dịch vụ phục vụ đời sống du khách như: bể bơi, công viên, sân quần vợt v.v. nhưng những nơi này vẫn chưa được phát triển thành một khu du lịch hay trung tâm vui chơi giải trí riêng thu hút đông đảo du khách. Đặc biệt, trong định hướng trở thành một trung tâm hành chính mới của Đông Dương, các cơ sở giáo dục đã không ngừng được xây dựng và phát triển ở Đà Lạt với nhiều cấp học, đa dạng các loại hình như: công lập - tư thục, dân sự - quân sự. Một số ngôi trường tiêu biểu trong thời gian này có thể kể tới như: Trường Grand Lycée Yersin¹⁰ (nay là Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt), Trường Đức Bà Lâm Viên¹¹, Trường Thiếu sinh quân Đà Lạt v.v..

Sự xâm nhập của những người châu Âu với chính sách xây dựng, quy hoạch theo lối hiện đại đã thúc đẩy quá trình đô thị hóa ở một số khu vực núi cao của Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Khi nhận xét về những giá trị nổi bật trong quy hoạch Đà Lạt giai đoạn

¹⁰ Thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Le Grand Lycée và Le Petit Lycée vào năm 1932 với tên gọi Le Grand Lycée de Dalat, ba năm sau đó trường mới đổi tên nhằm tưởng nhớ bác sĩ Yersin - người khai sinh ra Đà Lạt.

¹¹ Đây là trường Công giáo đầu tiên cho nữ sinh tại Việt Nam, được thành lập dưới sự hỗ trợ của Nam Phương Hoàng hậu.

này, Trần Đức Lộc cho rằng: “Quá trình đô thị hóa Đà Lạt không chuyển biến theo lộ trình phát triển từ mô hình nông thôn (của miền đồng bằng) hay cấu trúc buôn làng (của miền núi) theo lẽ thông thường” (2022: 86). Nhìn lại quá trình khảo sát và xây dựng các khu nghỉ dưỡng trên núi, có thể thấy thực trạng đó dường như là đặc điểm chung của công tác quy hoạch, thiết lập tại nhiều điểm du lịch khác như: Tam Đảo, Bạch Mã, Bà Nà v.v. bởi vấn đề di dân đã không được đề cập tới trong các tài liệu có liên quan. Tuy nhiên, trên đây Hoàng Liên Sơn, Nguyễn Văn Chính (2016: 497) ghi nhận rằng người dân địa phương sống ở thôn Sa Pả đã phải di chuyển tới địa điểm mới, lấy tên gọi là Sín Chải, để dành nơi quần cư từ bao đời cho việc xây dựng khu nghỉ dưỡng phục vụ những người châu Âu. Dù phát triển theo mô hình nào, nhìn chung, trong tư duy của các kiến trúc sư Pháp, những đặc điểm của ngành kinh tế nông nghiệp đều không hiện diện trong các đồ án quy hoạch khu nghỉ dưỡng của họ. Tất cả các công trình kiến trúc đều hướng tới việc phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp như thương mại, dịch vụ, phục vụ các hoạt động hành chính, và người nông dân cũng chỉ có vị trí rất nhỏ bé trong tư duy hoạch định thành phần xã hội tại các địa điểm này.

5. Kết luận

Một tâm lý chung thường thấy ở những người xa xứ đó là khao khát được giữ gìn và tái hiện một phần quê hương mình ngay trên đất khách nhằm nguôi ngoai đi nỗi nhớ trở về cội nguồn, cũng như lưu giữ những giá trị cổ hương ở những thế hệ sau. Chính vì vậy, không khó hiểu khi người Pháp xây dựng các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam, một bộ sưu tập kiến trúc Pháp đã từng bước được hình thành trên những “ốc đảo” này. Trong quá trình định hình các khu nghỉ dưỡng, giới chức Liên bang Đông Dương và

kiến trúc sư Pháp hình dung những địa điểm này sẽ là nơi lý tưởng cho việc “chạy trốn” khỏi thời tiết nóng bức của xứ nhiệt đới ven Thái Bình Dương của những người châu Âu vốn quen với khí hậu lạnh giá của vùng ôn đới. Các khu nghỉ dưỡng trên núi ban đầu được thiết lập nhằm phục vụ quân nhân và giới thượng lưu Pháp nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Về sau, do cảnh sắc đẹp, khí hậu mát mẻ, cùng với sự phát triển mở rộng, nơi đây cũng phục vụ cả giới thượng lưu người Việt, tạo cơ hội thúc đẩy hoạt động du lịch của các địa phương. Điều này không chỉ đơn thuần có tác động thúc đẩy sự ra đời và phát triển của ngành du lịch mà còn có vai trò quan trọng đối với kinh tế - xã hội của Việt Nam thời cận đại.

Thông qua quá trình quy hoạch và xây dựng các địa điểm này, những dấu ấn văn hóa Pháp từng bước hiện diện trong đời sống xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, sự hạn hẹp về đối tượng dân cư, du khách là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới những khiếm khuyết trong công tác quy hoạch của người Pháp tại các khu nghỉ dưỡng này như: thiếu tầm nhìn dài hạn và chiến lược phát triển bền vững cho việc phát triển một nền du lịch đại chúng, cơ sở hạ tầng chỉ đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận nhỏ, thiếu tính bản địa trong các công trình kiến trúc v.v.. Có thể nói, đây vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của sự thiếu thân thiện với người bản xứ trong chính sách của thực dân Pháp. Chính vì vậy, trong những khu nghỉ dưỡng trên cũng tiềm ẩn những mâu thuẫn chất chứa không giải quyết được, đó là sự mất cân bằng giữa vị thế cũng như hưởng thụ của người Việt so với người Pháp và giữa những người Việt với nhau. Đây là một trong những nguyên nhân khiến nhiều công trình kiến trúc tại những nơi này bị phá hủy hoàn toàn trong chiến tranh.

Nhìn lại toàn bộ các hoạt động mà người Pháp đã thực hiện trong việc kiến thiết các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam nửa

đầu thế kỉ XX, có thể nói, phương châm quy hoạch tôn trọng cảnh quan sinh thái, tạo ra sự hài hòa giữa con người, điều kiện tự nhiên và các yếu tố nhân tạo là yếu tố then chốt để xây dựng các khu du lịch có bản sắc riêng. Điều này nên được coi là yếu tố mang tính bản lề trong các đồ án quy hoạch đô thị, khu du lịch của Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, một chiến lược dài hạn cho sự phát triển những địa điểm này sẽ được hoạch định xuyên suốt, tránh khỏi tư duy nhiệm kỳ và tư duy cục bộ.

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong đề tài mã số CS.2025.36.

Tài liệu trích dẫn

- Barbisier. 1929. “Petite chronique au Tam Dao. L'éclairage de la station” (Vài nét về điều kiện chiếu sáng tại trạm Tam Đảo). *L'Éveil économique de l'Indochine* (Sự thức tỉnh Kinh tế Đông Dương) 13 (630).
- Brochier, Andie. 1906. *Về Tam Đảo rừng rú và thực vật, Thác Bạc giá trị điều dưỡng*. Hà Nội: Nhà in Độc lập Bắc Kỳ.
- Bùi Thị Hệ. 2021. *Tourism and Colonization: Establishment of French Indochina Tourism in the Early 20th Century*. Master's Thesis, Asia Pacific University of Technology and Innovation.
- Cucherousset H. 1923. “Nos station d'altitude, le Tam Dao” (Trạm nghỉ dưỡng trên núi của chúng ta, Tam Đảo). *L'Éveil économique de l'Indochine* 7 (335).
- Demay, Aline. 2014. *Tourism and Colonization in Indochina (1898-1939)*. Newcastle upon Tyne: Cambridge Scholars Publishing.
- Đỗ Hoàng Anh. 2021. “Langbian: Châu báu ở Đông Dương”. *Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1* (<https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiệp-vu/langbian-chau-bau-o-dong-duong.htm>). Truy cập tháng 5 năm 2025.
- Gouvernement Général de l'Indochine. 1932. *Annuaire statistiques de l'Indochine (1930-1931)* (Niên giám thống kê Đông Dương (1930-1931)). Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient.
- Hân Nguyên. 1971. *Lịch sử phát triển Đà Lạt (1893-1954)*. Tập san sử địa: Đặc khảo Đà Lạt, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
- Hoàng Hằng, Minh Phúc (dịch). 2021. “Tìm lại dấu ấn các khu nghỉ trên núi thời Pháp”. *Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1*. Truy cập tháng 5 năm 2025. <https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiệp-vu/tim-lai-dau-an-cac-khu-nghi-tren-nui-thoi-phap.htm>.
- Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. 1995. *Từ điển bách khoa Việt Nam (tập 3)*. Hà Nội: Trung tâm Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam.
- Jennings, Eric T. 2022. *Đỉnh cao đế quốc: Đà Lạt và sự hưng vong của Đông Dương thuộc Pháp*. Đà Nẵng: Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- L'Avenir du Tonkin* (Báo Tương lai Bắc Kỳ), ngày 12 tháng 5 năm 1931.
- Lemaire, Nicolas. 2010. *Claudius Madrolle et l'introduction du tourisme colonial en Indochine française 1898-1914: Entre propagande économique et légitimation politique* (Claudius Madrolle và Sự hình thành du lịch thuộc địa Pháp tại Đông Dương Pháp 1898-1914: Giữa Tuyên truyền kinh tế và hợp thức hóa chính trị). Avril: Université du Québec à Montréal.
- L'Éveil économique de l'Indochine* (Báo Sự thức tỉnh kinh tế Đông Dương), ngày 20 tháng 7 năm 1924.
- Lê Quý Đôn. 2007. *Kiến văn tiểu lục*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
- Lê Trung Dũng. 2024. “Vài nét về khách du lịch Việt Nam thời thuộc địa”. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* 10 (582): 23-32.
- Notice sur Le Tam Dao* (Ghi chép về Tam Đảo). Tài liệu lưu tại Kho Địa chí Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2.
- Nguyễn Thị Như Trang. 2024. “Phát huy giá trị kiến trúc cảnh quan thời Pháp thuộc trong không gian kiến trúc đô thị Đà Lạt”. Luận án Tiến sĩ Kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Nga. 2019. *Émergence et développement du tourisme en Annam (1910-c.1945)* (Sự hình thành và phát triển của du lịch ở Trung Kỳ (1910 - khoảng 1945)). Doctoral dissertation, Université de La Rochelle.

- Nguyễn Văn Chính. 2016. “Đường sắt, du lịch và đô thị miền núi: Trường hợp Sapa”. Trang 493-519, in trong *Lịch sử đô thị Việt Nam: Tiếp cận và nghiên cứu*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nhiều tác giả. 1971. *Tập san sử địa: Đặc khảo Đà Lạt*. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí.
- Peyvel, Emmanuelle. 2011. “Visiting Indochina, the imaginary of the French colonial period in today’s touristic Việt Nam”. *Journal of Tourism and Cultural Change* 9 (3): 226–236.
- Phan Huy Xu và Võ Văn Thành. 2021. “Vài nét về du lịch Việt Nam trước năm 1945”. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang* 25: 109-115.
- Phủ Thống sứ Bắc Kỳ. 1904-1914. *Xây dựng một con đường dẫn lên khu Tam Đảo 1904-1914*. Ký hiệu RST. 4241, Tài liệu lưu tại Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2. Ký hiệu DCT.001363.
- Phủ Thống sứ Bắc Kỳ. 1907. *Lập đường dây điện thoại từ Vĩnh Yên đến Thác Bạc (Tam Đảo)*. Ký hiệu RST.9980. Tài liệu lưu tại Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2.
- Phủ Thống sứ Bắc Kỳ. 1914-1925. *Au de la réglementation sanitaire de la station du Tam Dao* (Về quy định vệ sinh tại Tam Đảo). Ký hiệu RST.48056. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1.
- Phong Phủ Thống sứ Bắc Kỳ. 1931. *Về việc cấp nước cho những người đăng ký mua tại Tam Đảo (Vĩnh Yên) 24/6/1931*. Ký hiệu RST.6299-02. Tài liệu lưu tại Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2. Ký hiệu DCT.001334.
- Phủ Thống sứ Bắc kỳ. 1942. *Chương trình Quy hoạch và mở rộng khu nghỉ mát Tam Đảo và làng người Việt cũng thuộc khu vực này 1942*. Ký hiệu RST.64340. Bản lưu tại Kho Địa chí Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2. Ký hiệu DCT.001356.
- Phủ Thống sứ Bắc Kỳ. Không rõ năm. *Mở rộng trạm bưu điện tại khu nghỉ mát Tam Đảo (Vĩnh Yên)*. Ký hiệu RST.3213. Tài liệu lưu tại Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2.
- Phủ Thống sứ Bắc Kỳ. Không rõ năm. *Quy chế cảnh sát và vệ sinh tại Tam Đảo*. Ký hiệu RST. 67572. Tài liệu lưu tại Kho Địa chí Thư viện tỉnh Phú Thọ cơ sở 2. Ký hiệu DCT.001353.
- Pouyanne, A.A. 1994. *Các công trình giao thông công chính Đông Dương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giao thông vận tải.
- République Française. 1907. *Annuaire statistique: Vingt-septième volume - 1907* (Niên giám thống kê: Tập thứ 27 - 1907). Paris: Imprimerie Nationale.
- Tổng Thanh Bình. 2023. “Các khu nghỉ dưỡng ở phía Bắc Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)”. *Tạp chí Khoa học: Khoa học Xã hội* 31: 7-14.
- Trần Đức Lộc. 2022. “Những giá trị nổi bật về quy hoạch Đà Lạt trong quá trình kiến tạo đô thị từ 1906 đến 1954”. *Tạp chí Quy hoạch đô thị* 45: 85-89.
- Trần Thị Phương Hoa. 2024. “Du lịch ở Bắc Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* 12 (582): 18-35.
- Trần Viết Nghĩa. 2010. “Du lịch Việt Nam đầu thế kỷ XX”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn* 26: 164-173.
- Trần Xuân Hùng. 2023a. “Quá trình mở đường lên Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Yên) đầu thế kỷ XX”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* 2: 99-108.
- Tran Xuan Hung. 2023b. “Tam Dao Resort (Vinh Yen Province) in the French Colonial Period”. pp. 703-727, in trong *The First International Conference on The Issues of Social Sciences and Humanities*. Hanoi: Vietnam National University Press.
- Tran Xuan Hung. 2024. “Hill Stations in Vietnam During the French Colonial Period: The Case Study of Tam Dao”. pp. 355-500 in trong *The Second International Conference on The Issues of Social Sciences and Humanities*. Hanoi: Vietnam National University Press.
- Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1. 2024. *Du lịch Đông Dương xưa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Dân trí.
- Võ Văn Thành và Trần Thành Trung. 2022. *Du lịch, du khảo trên Nam Kỳ tuần báo*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Vu Nam, and Makoto Sato. 2010. “Tourism Development and Amenity Migration in Hill Stations: The case study of Sapa in Vietnam”. *Advanced Tourism Studies* 7: 1-16.